| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ KUIN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-09-2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Ông Hoàng Năng Long;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Nam, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn** : Ông Trần Anh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:*

Bà Lê Thị Mỹ L (nguyên đơn) và ông Trần Anh H (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 01 con chung là cháu Trần Lê Quỳnh N, sinh ngày 13/01/2024, hiện tại cháu đang ở với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi đủ tuổi thành niên và yêu cầu ông Trần Thanh H1 cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Trần Anh H:*Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng ông H,không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy lời khai của ông H.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Áp dụng các Điều 51, 56, 71 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi trưởng thành. Bị đơn có quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bị đơn có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Buộc đương sự chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông

Trần Anh H có địa chỉ nơi cư trú tại thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ ánhuyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt tất cả đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn để tham gia tố tụng, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt là từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Trần Lê Quỳnh N, sinh ngày 13/01/2024, hiện tại cháu đang ở với nguyên đơn. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*", hiện tại cháu N đang được nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để không làm xáo trộn và ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu N, nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cháu N cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 3.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" và theo Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của*

*người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Tại biên bản xác minh ở chính quyền địa phương cho biết ông H làm phụ bếp thu nhập mỗi tháng là từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, hiện nay mức lương tối thiểu vùng tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk là 2.450.000 đồng/ tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy về mức cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng là hợp lý với thu nhập của bị đơn và chi phí cho việc nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng theo phương thức định kỳ hàng tháng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Anh H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Quỳnh N, sinh ngày 13/01/2024 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Trần Lê Quỳnh N, sinh ngày 13/01/2024 mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, theo phương thức định kỳ hàng tháng , tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*

tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0006800 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Anh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Ea Ktur;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quốc Định**